

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2025.

“Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Toàn và ông Phạm Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm: 1982. Nơi ĐKNKTT: Thôn VK, xã TC, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Chỗ ở hiện nay: Số 12, hẻm 1, đường TY, khối TT, Thành phố V, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Danh T, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Thôn VK, xã TC, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, văn bản ghi lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T kết hôn với anh Nguyễn Danh T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2013 tại UBND xã ĐT (nay là xã TC), huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống và làm ăn tại Thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm, lối sống không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Hiện nay, chị Nguyễn Thị Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Danh T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/01/2007 và Nguyễn Huyền Bảo Tr, sinh ngày 30/5/2016. Nếu ly hôn chị Nguyễn Thị Anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và khoản nợ: Chị Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với anh Nguyễn Danh T, theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thụ lý vụ án, giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho anh Nguyễn Danh T. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Danh T do bận đi làm ăn xa không đến Tòa án làm việc mà có đơn trình bày ý kiến ghi ngày 15/11/2024 gửi cho Tòa án với nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh hoàn toàn nhất trí như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Anh T về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, chị Nguyễn Thị Anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Nguyễn Danh T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Anh T.

- Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/01/2007 và Nguyễn Huyền Bảo Tr, sinh ngày 30/5/2016. Nếu ly hôn anh Nguyễn Danh T đồng ý giao hai con cho chị Nguyễn Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản và khoản nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:

* Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

* Việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a, b Khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Anh T về việc ly hôn với anh Nguyễn Danh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Giao hai con chung Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/01/2007 và Nguyễn Huyền Bảo Tr, sinh ngày 30/5/2016 cho chị Nguyễn

Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu anh Nguyễn Danh T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét. Anh Nguyễn Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh T và bị đơn anh Nguyễn Danh T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn VK, xã TC, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T. Anh T đã nhận được các văn bản của Tòa án, vì lý do đi làm xa đi lại khó khăn nên anh T không có mặt trực tiếp tại Tòa án để làm việc nhưng anh đã có các văn bản trình bày đầy đủ các ý kiến để Tòa án xem xét. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh T và bị đơn anh Nguyễn Danh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T kết hôn với anh Nguyễn Danh T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2013 tại UBND xã ĐT (nay là xã TC), huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Điều đó phù hợp với trích lục kết hôn của chị T và anh T do UBND xã TC cấp và chị T giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị T làm đơn xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Anh T được ly hôn anh Nguyễn Danh T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/01/2007 và Nguyễn Huyền Bảo Tr, sinh ngày 30/5/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy: Từ khi các con sinh ra cho đến trước khi vợ chồng sống ly thân các con do vợ chồng chăm sóc nuôi dưỡng, từ khi vợ chồng ly thân năm 2018 cho đến nay con ở với chị T do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nguyện vọng của con được ở với chị T, chị T có sức khỏe đảm bảo, có nơi ở và có công việc nhân viên may mặc thời trang, thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000 đồng. Để tiếp tục đảm bảo cuộc sống và tâm lý ổn định cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là có cơ sở theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu anh Nguyễn Danh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Chị T, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a, b Khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T được ly hôn anh Nguyễn Danh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Giao hai con chung Nguyễn Lê N, sinh ngày 01/01/2007 và Nguyễn Huyền Bảo Tr, sinh ngày 30/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Anh T không yêu cầu anh Nguyễn Danh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Anh Nguyễn Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0007412 ngày 10/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Anh T và anh Nguyễn Danh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã TC;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông